

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HS-ST
Ngày 12 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 28/3/2001 tại Vinh Phúc; nơi cư trú: Thôn Làng Mạ, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn S: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Làng Mạ, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vinh Phúc (là bố của bị cáo S có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S: Bà Trần Thị N, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vinh Phúc (có mặt).

Bị hại: Chị Trương Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu 15, phường L B, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt).

Người liên quan: Anh Dương Đình Q, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố VN, phường TS, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/02/2018 Nguyễn Văn S đi bộ từ phòng trọ ở làng Bầu, phường LB đến cửa hàng điện thoại của chị Trương Thị T trên đường Chu Văn An, phường LB để mua thẻ điện thoại. S mua 01 thẻ điện thoại của chị T với giá 20.000đ nhưng do chị T đang bận bán hàng nên S đứng đợi. S nhìn thấy trong tủ trưng bày các sản phẩm của cửa hàng có một số điện thoại di động Iphone, quan sát thấy chỉ có mình chị T bán hàng nên S nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại của chị T. Khi chị T bán hàng cho khách xong, S bảo chị T cho xem 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, chị T đồng ý và lấy điện thoại Iphone 5s màu trắng bạc đưa cho S, S cầm chiếc điện thoại này xem qua, xem lại mục đích chờ cho chị T có sơ hở để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. S lại tiếp tục yêu cầu chị T cho xem 01 chiếc điện thoại Iphone 5s khác, chị T đưa cho S chiếc Iphone 5s màu vàng, S hỏi giá của 02 chiếc điện thoại, chị T nói giá 2.500.000đ/ chiếc, S đang mặc cả giá thì anh Lượng là chồng chị T về nhà và gọi chị T vào gian phòng phía bên trong quầy bán hàng. Quan sát xung quanh không có ai, S cất 02 chiếc điện thoại di động Iphone 5s vào túi quần đang mặc rồi đi về phòng trọ. Khoảng 19 giờ cùng ngày S cùng với chị Lý Thị N bắt taxi đi về nhà S. Trên đường về S bảo lái xe dừng lại ở cửa hàng mua bán điện thoại của anh Dương Đình Q ở số 145 đường Trần Phú, phường L. S đi vào cửa hàng gặp anh Q và lấy 02 chiếc điện thoại Iphone 5s ra rồi bảo với anh Q: “Em muốn bán 02 chiếc điện thoại này, anh xem được bao nhiêu tiền”, anh Q hỏi lại: “Em muốn bán bao nhiêu”, S nói muốn bán 02 chiếc điện thoại Iphone 5s với giá 5.000.000đ, anh Q trả lời: “Không được giá đó đâu, anh phải kiểm tra lại máy đã”. S đưa 02 chiếc điện thoại Iphone 5s cho anh Q kiểm tra, khi anh Q đang chuẩn bị cầm điện thoại S đưa thì chị T, anh Lượng, anh Nam đi tìm S phát hiện và trình báo công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL – HĐĐG ngày 02/3/2018, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu bạc, số IMEL: 358809059602674 đã qua sử dụng trị giá 1.800.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng số IMEL: 013965002724895, đã qua sử dụng trị giá 1.800.000đ. Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s là 3.600.000đ.

Tại Cáo trạng số: 78/CT-VKSND VY ngày 19/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại chị Trương Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra chị T trình bày: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/02/2018 có 01 thanh niên đến cửa

hàng của chị hỏi mua và xem 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, lợi dụng sơ hở người thanh niên đã trộm cắp 02 chiếc điện thoại trên, sau khi bị mất tài sản chị đã trình báo Công an. Quá trình điều tra, Công an Thành phố V đã trả lại cho chị 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, sau khi nhận lại tài sản chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị khoản tiền gì (Bút lục 60 - 69).

Người liên quan anh Dương Đình Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh Q trình bày: Ngày 13/02/2018 bị cáo S mang 02 chiếc điện thoại đến cửa hàng của anh để bán, nhưng anh và bị cáo S chưa thực hiện giao dịch mua, bán điện thoại thì S bị phát hiện và bắt giữ, anh không biết nguồn gốc của 02 chiếc điện thoại di động mà bị cáo S định bán cho anh (Bút lục 77 - 80).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Xác nhận cơ quan điều tra Công an thành phố V đã trả cho chị Trương Thị T 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s.

Người bào chữa cho bị cáo S trình bày bản luận cứ: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S từ 8 – 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo S trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn S không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn S tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/02/2018, tại cửa hàng mua bán điện thoại di động LT trên đường Chu Văn An, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Trương Thị T là chủ cửa hàng, Nguyễn Văn S đã lén lút trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone

5s của chị T, khi S đang đem tài sản đi tiêu thụ thì bị chị T phát hiện và báo Công an bắt giữ. Trị giá tài sản S chiếm đoạt 3.600.000đ, tài sản đã thu giữ và trả lại cho bị hại.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, làm nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (16 tuổi, 10 tháng 15 ngày) nên được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 và Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trương Thị T đã được cơ quan điều tra trả lại 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5s, sau khi nhận lại tài sản chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng: Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, ngày 24/4/2018, Cơ quan điều tra Công an thành phố V đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chủ sở hữu là chị Trương Thị T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận được bản án và quyết định Thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tam Quan, huyện Tam Đảo;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đường

